

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2018/HC-PT**

Ngày: 29 - 11- 2018

V/v : “Yêu cầu hủy quyết định xử phạt
vi phạm hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Ngọc Minh

Các Thẩm phán: ông Lương Quang và ông Nguyễn Việt Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Đặng Thị Ngọc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:*** ông Lê Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 07/2017/TLPT-HC ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc “Yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý trật tự xây dựng đô thị”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HCST ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1988, địa chỉ: Khu phố 5, phường P1, Tp. T, Phú Yên; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: ông Trần Thanh T, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố 5, Phường P1, Tp. T, Phú Yên. Có mặt.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch UBND phường P1, Tp. T, Phú Yên;

Đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Đức T – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường P1. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND phường P1, Tp. T, tỉnh Phú Yên

Đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Đức T – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường P1. Có mặt.

2. Ông Trần Thanh T, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố 5, Phường P1, Tp. T, Phú Yên; Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố 5, Phường P1, Tp. T, Phú Yên; Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Trần Thị Như T – Luật sư VPLS D, Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

4. Hợp tác xã nông nghiệp kinh doanh dịch vụ P

Địa chỉ: Khu phố 1, phường P2, Tp. T.

Vắng mặt.

5. Ông Nguyễn T, sinh năm 1930, địa chỉ: Khu phố 5, Phường P1, Tp. T, Phú Yên; Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

6. ông Nguyễn T1, địa chỉ: khu phố 5, phường P1, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H; vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1955, địa chỉ: khu phố 5, phường P1, Tp. T; có mặt.

9. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965, địa chỉ: Khu phố 3, phường P1, Tp. T, Phú Yên. Có mặt.

10. Ông Nguyễn D, sinh năm 1967 địa chỉ: khu phố 3, phường P1, Tp. T, Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

11. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1975, địa chỉ: khu phố 5, phường P1, Tp. T, Phú Yên. Có mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Quốc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh T, bà Nguyễn Thị Bích H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Ông Nguyễn Quốc T và người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:**

Tôi là em ruột của chị Nguyễn Thị Bích H. Nguyên ông cô Nguyễn Phì có một diện tích đất để lại cho ông nội tôi Nguyễn Phù, sau đó để lại cho cha chúng tôi là Nguyễn T1. Đến năm 2013, cha tôi cho lại chị tôi Nguyễn Thị Bích H xây dựng nhà ở, việc tặng cho này là thỏa thuận miệng, không có giấy tờ; đồng thời cha tôi giao lại cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Bích H, anh Trần Thanh T các loại giấy tờ đất của ông nội để lại. Sau khi được cha tôi cho đất, anh chị cất nhà, anh đi làm xa, chị sinh con nên tôi là người đứng ra trông coi giúp việc xây dựng nhà. UBND phường cho rằng công trình nhà của tôi xây dựng trên đất rừng PAM và lập biên bản đình chỉ xây dựng, nói tôi ký vào biên bản. Tôi không hiểu biết rõ pháp luật, nghe nói phải ký vào biên bản thì mới được tiếp tục xây dựng nên tôi đã ký vào biên bản này. Sau đó, UBND phường P1 mời tôi đến phường làm việc, lúc đó có mặt ông Dũng và ông Hậu, không có mặt ông trưởng khu phố, có giải thích là đất đang xây dựng thuộc đất rừng PAM, tôi cũng không hiểu được nên chỉ ghi đề nghị cấp trên xem xét cho tôi xây dựng nhà. Sau đó, tôi không nhận được bất cứ thông báo hay quyết định gì của UBND phường P1. Do đó, tôi tiếp tục việc giúp anh chị trông coi xây dựng nhà. Đến ngày 21/3/2017, tôi được anh chị thông báo là nhà của anh chị bị cưỡng chế tháo dỡ nhưng các biên bản làm việc tại UBND phường P1 và các cơ quan chức năng đều là do tôi ký tên nên anh chị về nói tôi làm đơn khởi kiện UBND phường P1, tất cả mọi việc thì anh chị của tôi rõ hơn.

Vì tôi là người đứng ra ký các loại biên bản nên tôi đứng đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét hủy cả 04 Quyết định mà UBND phường P1 đã ban hành xâm phạm đến quyền lợi của gia đình anh chị tôi, cụ thể: Quyết định 46/QĐ-UBND ngày 14/5/2013 của UBND phường P1 v/v đình chỉ thi công công trình vi phạm; Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 29/5/2013 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị; Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 điều chỉnh thời gian hoàn thành việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm; Quyết định số 27A/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 diện tích cưỡng chế là 71.5m² của Chủ tịch UBND phường P1.

Trong các quyết định do UBND phường P1 ban hành, gia đình tôi chỉ nhận được Quyết định số 27, các quyết định còn lại chúng tôi không nhận được và không biết nội dung của quyết định để thực hiện việc khiếu nại tại UBND phường P1.

****Người bị kiện Chủ tịch UBND phường P1 và người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:***

Ông Nguyễn Quốc T làm chủ đầu tư xây dựng công trình với diện tích 71,5m² (theo bản đồ đo đạc năm 1992, diện tích đất này là 500m² được ghi là đất màu do Hợp tác xã nông nghiệp kinh doanh dịch vụ P (địa chỉ hiện nay ở khu phố 1,

phường P2), thửa số 19, tờ bản đồ số 17; còn theo bản đồ đo đạc năm 1997 thì diện tích 1.308m² trên thửa số 38, tờ bản đồ số 17, loại đất hoang). Do vậy, diện tích nhà của ông T xây dựng trên đất do Nhà nước quản lý, UBND phường P1 ban hành Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 14/5/2013, Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 29/5/2013 (tại Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 đã có nhầm lẫn ghi Quyết định số 557), Quyết định số 27 và số 27A cùng ngày ban hành 21/3/2017 là đúng quy định pháp luật. Các quyết định này sau khi được ban hành, UBND phường đều tiến hành việc giao nhận cho hộ ông T, vì hộ ông T không ký nhận nên UBND phường đã tiến hành niêm yết theo đúng quy định pháp luật.

Đối với ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích H không có tên trong các tài liệu lưu trữ ở địa phương nên chúng tôi không giải quyết khiếu nại cho vợ chồng ông T, bà H.

Ý kiến của UBND phường P1 là giữ nguyên các Quyết định đã ban hành.

****Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*** ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích H trình bày: Về nguồn gốc sử dụng đất của gia đình tôi là đất của dòng họ để lại, không phải đất do UBND quản lý nên để đảm bảo quyền lợi của gia đình tôi, đề nghị Tòa xem xét về nguồn gốc đất và hủy các quyết định của UBND phường P1, công nhận quyền sử dụng đất của gia đình chúng tôi. Gia đình tôi chỉ nhận được Quyết định số 27, sau khi nhận được Quyết định này, chúng tôi đã khiếu nại nhưng vì em tôi Nguyễn Quốc T đứng tên nên UBND phường không giải quyết khiếu nại, trả lại đơn cho tôi. Chúng tôi đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho gia đình tôi.

****Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Thanh T trình bày:*** đề nghị Tòa án tuyên hủy 04 Quyết định hành chính: Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 14/5/2013; Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 29/5/2013; Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 21/3/2017; Quyết định số 27A/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của Chủ tịch UBND phường P1.

****Tại bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HCST ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:***

Áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 5, Điều 12 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về xử lý vi phạm trật tự đô thị.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc T

Công nhận các Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 14/5/2013; Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 29/5/2013; Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 21/3/2017; Quyết định số 27A/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của Chủ tịch UBND phường P1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, ông Nguyễn Quốc T kháng cáo; ngày 25/9/2017, ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông bà.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Các đương sự giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Thanh T trình bày: Các quyết định hành chính ban hành sai đối tượng, sai thẩm quyền quy định tại Điều 17, 18 nghị định số 180/2007/NĐ-CP của Chính phủ. Việc cưỡng chế tháo dỡ là thẩm quyền của UBND thành phố T. Vi phạm nội dung đất thuộc quản lý của nhà nước là không đúng vì đất này là của ông nội Nguyễn Phù để lại cho ông Nguyễn T1 và ông Nguyễn T1 để lại cho vợ chồng con gái là chị Nguyễn Thị Bích H và anh Trần Thanh T. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, vợ chồng anh T hủy toàn bộ các quyết định hành chính.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Huỳnh Đức T trình bày: Việc hủy Quyết định hành chính là không có cơ sở vì địa phương đã làm đúng quy trình. Đối tượng Ủy ban phường làm việc là ông T, ông T tự nhận nên xác định ông T là đối tượng bị cưỡng chế là đúng. Quyết định cưỡng chế là đúng theo quy định tại Nghị định 180/2007/NĐ-CP. Nội dung quyết định đình chỉ số 46 nêu rõ đất do nhà nước quản lý, theo bản đồ địa chính năm 1997 xác định là đất hoang do Nhà nước quản lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà trình bày quan điểm và đề xuất giải quyết vụ án hành chính theo hướng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị HĐXX căn cứ vào điểm đ, khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, sửa án sơ thẩm, hủy các quyết định hành chính bị kiện, yêu cầu UBND phường P1 thực hiện thủ tục xử lý vi phạm theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các bên đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người khởi kiện ông Nguyễn Quốc T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh T, bà Nguyễn Thị Bích H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử, công nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Đơn kháng cáo gửi trong hạn luật định nên đủ điều kiện giải quyết ở cấp phúc thẩm.

[2] Xét việc TAND thành phố T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, 31 của Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Xét chủ thể bị xử phạt vi phạm hành chính: Các quyết định hành chính bị khởi kiện Chủ tịch UBND phường P1 quyết định xử phạt đối với ông Nguyễn Quốc T, Tòa án cấp sơ thẩm xác định chủ thể có quyền khởi kiện là ông T. Để xác định đúng đối tượng xử phạt trong trường hợp này, theo quy định tại Luật xây dựng năm 2003, Điều 3, khoản 21 quy định: “ *Chủ đầu tư xây dựng công trình là người sở hữu vốn hoặc là người được giao quản lý và sử dụng vốn để đầu tư xây dựng công trình.*” Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thì chi phí xây dựng nhà là do ông T, bà H cung cấp, ông T đứng ra trông coi. Việc UBND phường P1 không xác minh cụ thể mà xác định ông Nguyễn Quốc T là chủ đầu tư để từ đó ra quyết định đình chỉ thi công và cưỡng chế tháo dỡ công trình là không đúng đối tượng. Trong trường hợp này xác định ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích H là chủ đầu tư. Tuy không phải là người trực tiếp có tên trong quyết định nhưng lại bị ảnh hưởng trực tiếp do đó, ông T, bà H cũng là người có quyền khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và Điều 115 Luật Tổ tụng hành chính.

Như vậy, việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và cưỡng chế đối với ông T là không đúng đối tượng, không thể thực thi quyết định cưỡng chế được vì nhà ở và các công trình trên đất từ khi xây dựng đến nay đang do ông T, bà H trực tiếp quản lý, sử dụng. Lẽ ra không dừng lại ở việc nghe ông T đơn phương khai báo mà phải xác minh ở khu phố, người lân cận hoặc bằng biện pháp khác để xác định, xử lý đúng đối tượng chủ đầu tư là ông T, bà H đồng thời để đảm bảo quyền khiếu nại, khởi kiện của chủ thể bị xử lý vi phạm hành chính.

[4] Về quy trình đình chỉ thi công, cưỡng chế công trình: Người bị kiện cho rằng áp dụng đúng quy định tại Nghị định số 180/2007/NĐ-CP của Chính phủ. Tuy nhiên, trong nội dung quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 14/5/2013 của Chủ tịch UBND phường P1 nêu rõ: *...vi phạm các quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 11 và khoản 8 Điều 11 của Nghị định số 23/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày*

27/02/2009...” . Tại khoản 8 Điều 11, Nghị định số 23/2009/NĐ-CP nêu rõ: “8. Ngoài hình thức xử phạt quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này, chủ đầu tư có hành vi vi phạm còn bị buộc khắc phục hậu quả và bị xử lý theo quy định tại các Điều 12, 13, 14, 15 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP”. Tại phiên tòa, người bị kiện khẳng định không thực hiện thủ tục xử phạt vì mức phạt vượt thẩm quyền, phải chuyển hồ sơ lên cấp có thẩm quyền là Chủ tịch UBND thành phố T. Như vậy, việc không lập thủ tục xử phạt và chuyển thẩm quyền xử phạt cho Chủ tịch UBND thành phố T là không đảm bảo quy định tại Nghị định số 23/2009/NĐ-CP của chính phủ ngày 27 tháng 2 năm 2009 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, quản lý phát triển nhà và công sở.

[5] Về thời gian cưỡng chế: Trong QĐ cưỡng chế số 55/QĐ-UBND ngày 29/5/2013 nêu rõ thời gian tổ chức thi hành là 05 ngày. Tuy nhiên, đến ngày 01/3/2017, chủ tịch UBND phường P1 ra Quyết định số 27/QĐ-UBND điều chỉnh thời gian hoàn thành việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị của ông Nguyễn Quốc T đến trước ngày 31/3/2017. Thời gian tiến hành cưỡng chế là quá thời gian quy định tại Điều 24 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP, không đảm bảo tính ngăn chặn, kịp thời các hành vi vi phạm, vi phạm nguyên tắc xử lý vi phạm: “*Công trình xây dựng, bộ phận công trình (sau đây gọi tắt là công trình xây dựng) vi phạm trật tự xây dựng đô thị phải bị phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, triệt để*” quy định tại Điều 3 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP.

[6] Từ những sai phạm trong quá trình xử lý vi phạm hành chính nêu trên về chủ thể bị xử phạt; thẩm quyền xử phạt nên các quyết định hành chính bị khởi kiện là không đúng quy định pháp luật, vì vậy, phải hủy các quyết định hành chính số 46/QĐ-UBND ngày 14/5/2013 v/v đình chỉ thi công công trình vi phạm; Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 29/5/2013 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị; Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 điều chỉnh thời gian hoàn thành việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm; Quyết định số 27A/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 diện tích cưỡng chế là 71.5m² của Chủ tịch UBND phường P1 để giải quyết lại đúng quy định pháp luật.

Về án phí: Ông Trần Thanh T, ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Thị Bích H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Người bị kiện Chủ tịch UBND phường P1 phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích H tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và giám sát đo đạc là 2.000.000 đồng, đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng, điểm b, khoản 2, Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, khoản 21 Điều 3 Luật xây dựng năm 2003, khoản 2, khoản 8 Điều 11 Nghị định 23/2009/NĐ-CP của Chính phủ, Điều 3, Điều 24 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP của Chính phủ.

Tuyên xử: Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, hủy các quyết định hành chính của Chủ tịch UBND phường P1 số 46/QĐ-UBND ngày 14/5/2013 v/v đình chỉ thi công công trình vi phạm; Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 29/5/2013 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị; Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 điều chỉnh thời gian hoàn thành việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm; Quyết định số 27A/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 diện tích cưỡng chế là 71.5m². Vì không có căn cứ pháp luật.

Về án phí:

Căn cứ Điều 344, 348, 349 Luật tố tụng hành chính; Khoản 3, Điều 18 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Về án phí hành chính phúc thẩm: Người bị kiện Chủ tịch UBND phường P1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng.

Hoàn lại cho ông T 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2015/0005263 ngày 31/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Hoàn lại cho ông Trần Thanh T, bà Nguyễn Thị Bích H 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2015/0005251 ngày 26/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

*Về án phí hành chính sơ thẩm: Người bị kiện Chủ tịch UBND phường P1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông T 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2015/0004665 ngày 21/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

****Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:*** ông Trần Thanh T tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và giám sát đo đạc là 2.000.000 đồng. Ông T đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND Tp. T (2);
- CQ THADS Tp. T (1);
- Chi cục THADS Tp. T (1)
- Các đương sự;
- P. KTNV&THA (1);
- Tổ nghiệp vụ (1)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Minh